

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành theo Quyết định số: 469/QĐ-ĐHTD, ngày 20 tháng 8 năm 2021 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)*

Tên chương trình : **Cử nhân Quản trị kinh doanh**  
Trình độ đào tạo : **Đại học**  
Ngành đào tạo : **Quản trị kinh doanh**  
Mã ngành : **7340101**  
Loại hình đào tạo : **Chính quy**

### **1. Mục tiêu của chương trình**

#### **1.1 Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo theo tín chỉ ngành Quản trị kinh doanh nhằm đào tạo các Cử nhân Quản trị kinh doanh có đủ kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc tốt ở các công việc liên quan đến quản trị kinh doanh trong doanh nghiệp và các tổ chức.

#### **1.2 Mục tiêu cụ thể**

Cử nhân Quản trị kinh doanh phải đạt chuẩn về kiến thức, kỹ năng, thái độ và có thể đảm nhận các công việc có liên quan đến ngành đào tạo như sau:

##### **❖ Kiến thức:**

**G1.** Người học được trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật chính trị, toán-tin, khoa học xã hội, tự nhiên, tài chính, kế toán...

**G2.** Người học được trang bị kiến thức chuyên sâu cả lý thuyết và thực tế trong các lĩnh vực khác nhau của ngành quản trị kinh doanh để hoạch định, thực thi, điều hành và quản lý các công việc liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh ở các doanh nghiệp/ tổ chức trong môi trường luôn thay đổi.

**G3.** Người học được trang bị kiến thức để giải quyết vấn đề trong doanh nghiệp/tổ chức liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh.

##### **❖ Kỹ năng:**

**G4.** Kỹ năng phân tích, đánh giá và thực hiện công việc tác nghiệp liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh trong doanh nghiệp/ tổ chức.

**G5.** Kỹ năng giao tiếp, đàm phán - thương lượng, xử lý và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống của doanh nghiệp/ tổ chức.

**G6.** Kỹ năng hoạch định, tổ chức, điều hành, kiểm tra, kiểm soát các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch kinh doanh, marketing, bán hàng.

**G7.** Sử dụng tốt ngoại ngữ và công nghệ thông tin để phục vụ cho công việc.

**G8.** Tư duy, nhận thức và giải quyết vấn đề mang tính độc lập cao.

**G9.** Người học có thể tự khởi sự kinh doanh và tạo việc làm cho người khác.

❖ **Thái độ:**

**G10.** Năng động, cầu tiến, sáng tạo, có tính kỷ luật và tác phong công nghiệp.

**G11.** Tuân thủ quy định của pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm đối với xã hội.

## **2. CHUẨN ĐẦU RA**

### **2.1 Kiến thức**

#### **2.1.1 Kiến thức chung**

**LO1.** Nắm rõ một cách hệ thống các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, các kiến thức về toán học, kiến thức xã hội, khoa học tự nhiên để vận dụng trong học tập, nghiên cứu vào lĩnh vực kinh tế;

**LO2.** Sử dụng tốt ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

#### **2.1.2 Kiến thức chuyên môn**

**LO3.** Nắm vững các kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh tế, thị trường và kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh và các lĩnh vực liên quan như kế toán, tài chính, marketing...;

**LO4.** Thực thi các hoạt động điều hành và quản lý các công việc liên quan đến hoạt động sản xuất – kinh doanh tại các bộ phận của doanh nghiệp/ tổ chức;

**LO5.** Nhận biết, phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh tại các bộ phận trong doanh nghiệp/tổ chức; phân tích, đánh giá, xây dựng và giám sát các kế hoạch, chiến lược kinh doanh trong doanh nghiệp/tổ chức.

## **2.2 Kỹ năng**

### **2.2.1 Kỹ năng mềm**

**LO6.** Sử dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, viết - đọc và trình bày, thuyết trình, đàm phán thương lượng, ...) vào công việc thực tế;

**LO7.** Sử dụng tốt ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam và tin học tương đương trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao.

### **2.2.2 Kỹ năng nghề nghiệp**

**LO8.** Thu thập, xử lý, phân tích, đánh giá thông tin để giải quyết vấn đề liên quan đến các hoạt động trong doanh nghiệp/ tổ chức;

**LO9.** Vận dụng kỹ năng quản trị trong việc thực hiện hoạt động tác nghiệp liên quan đến các hoạt động trong doanh nghiệp/tổ chức;

**LO10.** Thực hiện được việc hoạch định, tổ chức, thực thi, kiểm tra, kiểm soát các vấn đề liên quan đến hoạt động trong doanh nghiệp/ tổ chức;

**LO11.** Khả năng ứng biến tốt trong môi trường thay đổi, mềm dẻo, ứng biến, linh hoạt với nhiều điều kiện, hoàn cảnh đa dạng;

**LO12.** Khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân;

**LO13.** Có thể lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

## **2.3 Mức tự chủ và trách nhiệm**

**LO14.** Có phẩm chất đạo đức tốt; có ý thức và tinh thần trách nhiệm công dân;

**LO15.** Dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

**3. Thời gian đào tạo: 3,5 năm**

**4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 141 tín chỉ** (Bao gồm cả Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh)

**5. Đối tượng tuyển sinh**

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo;
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**

### **6.1 Quy trình đào tạo**

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trường trường Đại học Tây Đô).

### **6.2 Điều kiện tốt nghiệp**

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trường trường Đại học Tây Đô) và Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên, học sinh trường Đại học Tây Đô.

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b) Tích lũy đủ số tín chỉ, học phần quy định theo chương trình đào tạo;
- c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;
- d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – an ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất.
- e) Đạt chuẩn kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định nhà trường.
- f) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

## **7. Thang điểm**

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày

17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

**Thang điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần:**

Xếp loại học phần	Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
Xuất sắc	9,0–10,0	A	4,0
Giỏi	8,0–8,9	B+	3,5
Khá	7,0–7,9	B	3,0
Trung bình Khá	6,5–6,9	C+	2,5
Trung bình	5,5–6,4	C	2,0
Trung bình Yếu	5,0–5,4	D+	1,5
Yếu	4,0–4,9	D	1,0
Kém	nhỏ hơn 4,0	F	0,0

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

$A$  là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

$a_i$  là điểm của học phần thứ  $i$

$n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ  $i$

$n$  là tổng số tín chỉ tích lũy.

**8. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần): 141 tín chỉ (TC)**

STT	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	46
2	Kiến thức giáo dục chuyên ngành	83
	- Kiến thức cơ sở khối ngành	26
	- Kiến thức ngành	39
	- Kiến thức tự chọn	18
3	- Thực tập tốt nghiệp	12

	- Thực hiện Khóa luận tốt nghiệp (hoặc Tiểu luận tốt nghiệp và học 02 học phần thay thế)	
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>141</b>

**Kiến thức giáo dục đại cương: 46 tín chỉ**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	0301001769	Triết học Mác - Lênin	3	
2	0301001825	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
3	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	
5	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
6	0301000667	Pháp luật đại cương	2	
7	0301000292	Luật kinh tế	2	
8	0301000946	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	4	
9	0301000947	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4	
10	0301001673	Tin học căn bản	3	
11	0301000650	Giáo dục quốc phòng – An ninh **	8	
12	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1	
13	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**		
14	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**		
15	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1	
16	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**		
17	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**		
18	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1	
19	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**		
20	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**		
21	0301002101	Toán cao cấp	3	
22	0301001080	Toán kinh tế	3	
23	0301001403	Thống kê kinh doanh	3	
<b>Kiến thức cơ sở khối ngành : 25 tín chỉ</b>				
1	0301002410	Kinh tế vi mô	3	
2	0301002411	Kinh tế vĩ mô	3	
3	0301002557	Kinh tế quốc tế	3	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
4	0301002412	Nguyên lý kế toán	3	
5	0301001051	Nguyên lý Marketing	3	
6	0301001078	Quản trị học	3	
7	0301000687	Thuế	2	
8	0301001830	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	
9	0301002533	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	

**Kiến thức chuyên ngành : 70 tín chỉ**

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
<b>1. Phần bắt buộc</b>			<b>43</b>	
1	0301000935	Tiếng Anh chuyên ngành 1- QTKD	3	
2	0301000936	Tiếng Anh chuyên ngành 2- QTKD	3	
3	0301000335	Nghiên cứu Marketing	3	
4	0301002556	Tâm lý và hành vi khách hàng	3	
5	0301000454	Quản trị Marketing	3	
6	0301002534	Quản trị thương hiệu	3	
7	0301000440	Quản trị chiến lược	3	
8	0301001660	Lập và phân tích dự án	3	
9	0301000456	Quản trị nguồn nhân lực	3	
10	0301002561	Quản trị chất lượng	3	
11	0301001649	Quản trị tài chính	3	
12	0301002558	Quản trị sản xuất	3	
13	0301002560	Thanh toán quốc tế	3	
14	0301001831	Thực tập nghề nghiệp – Marketing	4	
<b>2. Phần tự chọn</b>			<b>15</b>	
1	0301000438	Quản trị bán hàng	3	
2	0301000490	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2	
3	0301000376	Nhượng quyền thương mại	2	
4	0301002559	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	3	
5	0301001832	Truyền thông Marketing	3	
6	0301000445	Quản trị hệ thống thông tin	2	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
7	0301002562	Quản trị cung ứng và Logistic	3	
8	0301000787	Quản trị sự thay đổi	2	
9	0301001404	Tiếp thị số (Internet Marketing)	3	
10	0301001833	Marketing ứng dụng	3	
11	0301000314	Marketing quốc tế	2	
12	0301000161	Hành vi tổ chức	3	
13	0301001834	Giao tiếp trong kinh doanh	2	
14	0301001835	Marketing công nghiệp	2	
15	0301000863	Quản trị doanh nghiệp	2	
16	0301001836	Khởi sự kinh doanh	2	
17	0301001837	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	
18	0301001779	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	
19	0301002564	Quản trị rủi ro	3	
20	0301002566	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	
<b>3. Tốt nghiệp:</b>			<b>12</b>	
1	0301001755	Thực tập tốt nghiệp - QTKD	4	
2	0301002563	2.1 Khóa luận tốt nghiệp - QTKD	8	
		2.2 Tiểu luận tốt nghiệp – QTKD và học 02 học phần thay thế		
	0301002565	2.2.1 Tiểu luận tốt nghiệp- QTKD	4	
		2.2.2 Học phần thay thế (sinh viên chọn 2 học phần trong những học phần tự chọn)	4	

### 9. Kế hoạch giảng dạy

#### Học kỳ 1

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Pháp luật đại cương	2	2		30	
2	Tin học căn bản	3	3			90
3	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1		1		30
4	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**	1				
5	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**	1				
6	Nguyên lý Marketing	3	3		45	



7	Toán cao cấp	3	3		45	
8	Quản trị học	3	3		30	30
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>14+1</b>	<b>14+1</b>		<b>135</b>	<b>180</b>

### Học kỳ 2

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Thống kê kinh doanh	3	3		30	30
2	Kinh tế vi mô	3	3		30	30
3	Giáo dục thể chất 2- Bóng chuyền**	1	1			30
4	Giáo dục thể chất 2- Bóng đá**	1				
5	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**	1				
6	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	4	4		60	
7	Triết học Mác - Lênin	3	3		45	
8	Luật kinh tế	2	2		30	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>15+1</b>	<b>15+1</b>		<b>195</b>	<b>90</b>

### Học kỳ 3

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Giáo dục quốc phòng – An ninh **	8	8		165	
2	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4	4		60	0
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30	0
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>6+8</b>	<b>6+8</b>		<b>90</b>	<b>165</b>

### Học kỳ 4

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Nguyên lý kế toán	3	3		30	30
2	Tâm lý và hành vi khách hàng	3	3		45	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30	
4	Tiếng Anh chuyên ngành 1- QTKD	3	3		45	
5	Kinh tế vĩ mô	3	3		30	30
6	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	2		30	
7	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1	1			30

8	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**	1				
9	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**	1				
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>16+1</b>	<b>16+1</b>		<b>210</b>	<b>90</b>

#### Học kỳ 5

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Toán kinh tế	3	3		30	30
2	Phân tích định lượng trong kinh doanh	3	3		45	
3	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	2		30	
4	Kinh tế quốc tế	3	3		45	
5	Nghiên cứu Marketing	3	3		45	
6	Tiếng Anh chuyên ngành 2 - QTKD	3	3		45	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>17</b>	<b>17</b>		<b>240</b>	<b>30</b>

#### Học kỳ 6

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30	
2	Thuế	2	2		15	30
3	Quản trị sản xuất	3	3		45	
4	Quản trị Marketing	3	3		45	
5	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	3		5	45	
6	Truyền thông Marketing	3			30	30
7	Nhượng quyền thương mại	2			15	30
8	Quản trị hệ thống thông tin	2			30	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>15</b>	<b>10</b>	<b>5</b>	<b>255</b>	<b>90</b>

#### Học kỳ 7

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Thanh toán quốc tế	3	3		30	30
2	Quản trị nguồn nhân lực	3	3		30	30
3	Quản trị chất lượng	3	3		30	30
4	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	2		5	30	

5	Tiếp thị số (Internet Marketing)	3			30	30
6	Quản trị cung ứng và Logistic	3			45	
7	Quản trị sự thay đổi	2			30	
8	Marketing ứng dụng	3			30	30
9	Marketing quốc tế	2			30	
10	Hành vi tổ chức	3			45	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>14</b>	<b>9</b>	<b>5</b>	<b>150-165</b>	<b>90-120</b>

### Học kỳ 8

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Quản trị tài chính	3	3		45	
2	Thực tập nghề nghiệp - QTKD	4	4			120
3	Quản trị bán hàng	3		5	45	
4	Giao tiếp trong kinh doanh	2			30	
5	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3			30	30
6	Phân tích hoạt động kinh doanh	2			15	30
7	Quản trị rủi ro	3			45	
8	Marketing công nghiệp	2			15	30
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>12</b>	<b>7</b>	<b>5</b>	<b>90-120</b>	<b>120-180</b>

### Học kỳ 9

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Quản trị thương hiệu	3	3		30	30
2	Lập và phân tích dự án	3	3		30	30
3	Quản trị chiến lược	3	3		45	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>9</b>	<b>9</b>		<b>105</b>	<b>60</b>

### Học kỳ 10

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
1	Thực tập tốt nghiệp - QTKD	4	4			240
	Loại hình 1:	8				
2	Khóa luận tốt nghiệp - QTKD	8		8		240
	Loại hình 2:	8				
3	Tiểu luận tốt nghiệp - QTKD	4		4		120

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
	Học phần thay thế (sinh viên chọn 2 trong những học phần tự chọn)	4				
4	Quản trị doanh nghiệp	2		4	30	
5	Khởi sự kinh doanh	2			30	
6	Quản trị kinh doanh quốc tế	2			30	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>12</b>	<b>4</b>	<b>8</b>	<b>0-60</b>	<b>360-480</b>

## 10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Cách quy đổi giờ:

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 Tín chỉ = 15 tiết giảng lý thuyết

= 30 tiết đối với học phần thực tập/ thực hành

= 60 tiết thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập

Số tiết của các học phần là bội số của 15

### 10.1 Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.

- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.

- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần..

### 10.2 Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức cho sinh viên các buổi hội thảo, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành ngôn ngữ, và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

### 10.3 Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.
- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.
- Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm khóa luận/ tiểu luận tốt nghiệp.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.



*Trần Long Luận*

098